

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2024/DS-ST

Ngày: 16 - 5 - 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Long Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Á

Ông Võ Minh Đúng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Tuyên là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Trường Minh Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 355/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Bảo H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu phố I, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1963

Địa chỉ: Khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn C, sinh năm 1960

Địa chỉ: Khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định.

- Chị Hồ Thị T1, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu phố I, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định

(Anh H, bà T có mặt, ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, chị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 06 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Bùi Bảo H trình bày:

Anh H và vợ chồng ông C, bà T có mối quan hệ làm ăn với nhau. Bà T có mượn tiền anh H nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 03/06/2016 âm lịch, bà T có mượn số tiền 170.000.000 đồng.
- Ngày 22/9/2017, bà T có mượn số tiền 20.000.000 đồng.
- Ngày 19/6/2018, bà T có mượn số tiền 20.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà T nợ vợ chồng anh là 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng). Hai bên có viết giấy mượn tiền, có chữ ký của bà T, hai bên không thỏa thuận lãi suất, ông C không ký giấy mượn tiền nhưng ông C có biết việc mượn tiền. Vợ chồng bà T làm nghề nuôi tôm nên vợ chồng bà T mượn tiền để mua giống tôm, kinh doanh phục vụ cuộc sống gia đình. Bà T hứa khi nào tôi có nhu cầu thì sẽ trả nợ nhưng từ đó đến nay, anh H đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông C, bà T không trả nợ cho anh.

Nay anh H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông C, bà T trả cho anh một lần số tiền 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng), anh H không yêu cầu trả lãi suất.

Tại Bản tự khai ngày 07/12/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị T trình bày:

Bà T và anh H có mối quan hệ làm ăn với nhau. Vợ chồng bà T có mượn anh H tổng số tiền 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất như anh H trình bày là đúng. Vợ chồng bà làm nghề nuôi tôm, bà T vay tiền dùng để mua giống tôm, làm ăn kinh doanh phục vụ cuộc sống gia đình. Chồng bà T cũng biết việc mượn tiền để làm ăn. Do điều kiện làm ăn thua lỗ nên vợ chồng bà chưa có điều kiện trả nợ cho anh H. Nay anh H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng), không yêu cầu trả lãi suất thì vợ chồng bà thống nhất số nợ và chấp nhận trả nợ. Tuy nhiên, vì điều kiện kinh tế khó khăn, bà T xin trả dần 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) mỗi tháng cho đến khi trả hết nợ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/12/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị T1 trình bày:

Chị T1 là vợ anh Bùi Bảo H. Tên thường gọi của chị ở nhà là N. Từ năm 2016 đến năm 2018, vợ chồng chị có cho vợ chồng bà Trịnh Thị T mượn nhiều lần, tổng số tiền là 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng). Hai bên có viết giấy mượn tiền, có chữ ký của bà T, hai bên không thỏa thuận lãi suất, ông C không ký giấy mượn tiền nhưng ông C có biết việc mượn tiền. Vợ chồng bà T mượn tiền để mua giống tôm, kinh doanh phục vụ cuộc sống gia đình. Bà T hứa khi nào vợ chồng chị có nhu cầu thì sẽ trả nợ nhưng từ đó đến nay, vợ chồng chị đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông C, bà T không trả nợ cho vợ chồng chị. Nay anh Bùi Bảo H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông C, bà T trả cho anh H một lần số tiền 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng), không yêu cầu trả lãi suất thì chị T1 thống nhất. Do bận công việc, chị T1 đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn C không nộp văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo của Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện chưa đúng quy định pháp luật. Người tham gia tố tụng có nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn C không chấp hành đúng quy định của pháp luật; đồng thời đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, buộc vợ chồng ông C, bà T liên đới trả cho vợ chồng anh H, chị T1 số tiền 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng), anh Bùi Bảo H không yêu cầu trả lãi suất nên không xem xét. Án phí dân sự sơ thẩm vợ chồng ông C, bà T là người cao tuổi nên được miễn nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền đã vay nên theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn vợ chồng ông C, bà T đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định nên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn C được Tòa án triệu tập hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn C.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Xét yêu cầu khởi kiện của anh H, yêu cầu vợ chồng ông C, bà T trả nợ, thấy rằng: Bà T thừa nhận vợ chồng bà có mượn tiền nhiều lần để nuôi tôm, số tiền vợ chồng ông C, bà T nợ vợ chồng anh H là 210.000.000 đồng là đúng sự thật.

[3.1] Xét giấy mượn tiền giữa anh H và bà T thấy rằng chồng bà T là ông C không có ký tên. Tuy nhiên, bà T thừa nhận vợ chồng bà có mượn tiền của vợ chồng anh H để mua giống tôm, nuôi tôm và còn nợ lại số tiền 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng), chồng bà T không ký tên nhưng cũng biết việc này. Điều này cho thấy, hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng anh H và vợ chồng bà T là có thật và hợp pháp, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Trịnh Thị T xin trả dần số nợ nhưng không được anh H chấp nhận nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu ông C có mặt tại Tòa để làm việc nhưng ông C cố ý trốn tránh, không hợp tác, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định tại các Điều 91; 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên ông C phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, việc bà T mượn tiền anh H để nuôi tôm, bà T thừa nhận bà làm nghề nuôi tôm, mục đích là để phục vụ chi tiêu chung, trang trải cuộc sống hàng ngày của gia đình, chăm lo cho gia đình, con cái. Đây là những nhu cầu thiết yếu của gia đình được quy định tại các

Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình nên buộc ông C cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà T là phù hợp.

[3.3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc vợ chồng ông C, bà T không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của vợ chồng anh H, chị T1. Do đó, việc anh H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông C, bà T phải trả cho anh H số tiền 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng) là phù hợp theo quy định tại điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh H, chị T1 không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng ông C, bà T phải chịu án phí. Tuy nhiên, ông C, bà T là người cao tuổi nên được miễn nộp theo quy định pháp luật.

[5] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Bảo H. Buộc vợ chồng ông Nguyễn C, bà Trịnh Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng anh H, chị

T1 số tiền 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng). Anh H không yêu cầu trả lãi suất.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông C, bà T là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo điểm d, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho anh Bùi Bảo H số tiền 5.250.000 đồng (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo Biên lai thu số 0005927 ngày 16 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Long Nhiên